

Số: 18 /QĐ-CTy

Hưng Yên, ngày 06 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo tài chính năm 2022
Công ty TNHH MTV KTCT Thủy lợi tỉnh Hưng Yên

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KTCT THỦY LỢI TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Thông tư số 219/2015/NĐ-CP ngày 21/12/2015 của Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 18/5/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Đề án tổ chức lại và Điều lệ tổ chức, hoạt động sửa đổi của Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 1696/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và định giá DTA lập ngày 25/3/2023;

Xét tờ trình số 10/TTr-Cty ngày 03 tháng 4 năm 2023 Giám đốc Công ty và Báo cáo Kiểm soát viên Công ty ngày 10 tháng 04 năm 2023 về Báo cáo tài chính năm 2022 Công ty TNHH MTV KTCT thủy lợi tỉnh Hưng Yên.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hưng Yên với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

- Tổng doanh thu: 152.183.456.760, đồng.
 - Doanh thu chính hoạt động kinh doanh là: 151.014.084.183, đồng.
 - Doanh thu hoạt động tài chính là: 972.034.379, đồng.
 - Thu khác là: 197.338.198, đồng.
- Tổng chi phí: 151.833.456.760, đồng.

- Chi cho hoạt động chính phục vụ SXKD là: 151.586.923.658, đồng.
- Chi khác là: 246.533.102, đồng.
- 3. Lợi nhuận trước thuế là: 350.000.000, đồng.
- 4. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là: 70.000.000, đồng.
- 5. Lợi nhuận sau thuế TNDN là: 280.000.000, đồng.

(Các nội dung, chỉ tiêu đã được trình bày trong báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán có đính kèm).

Điều 2: Căn cứ vào quy định tài chính hiện hành và Điều 1 quyết định này, Giám đốc Công ty trích lập, trình phê duyệt phần lợi nhuận còn lại vào các quỹ sử dụng đúng mục đích và theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3: Ông Giám đốc Công ty, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, phòng Tài chính- kế toán và các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- UBND Tỉnh Hưng Yên (để b/c);
- Sở Tài chính
- Sở Kế hoạch & ĐT;
- Cục Thống kê
- Cục thuế tỉnh
- Như điều 3
- Lưu Cty

**CÔNG TY TNHH MTV KTCT
THỦY LỢI TỈNH HƯNG YÊN
CHỦ TỊCH**



Bùi Quang Hạnh

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi tỉnh Hưng Yên (dưới đây được gọi là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0900243950 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 03/8/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 01/6/2017.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Đường Hải Thượng Lãn Ông, thôn Xích Đằng, Phường Lam Sơn, Thành phố Hưng Yên.

BAN LÃNH ĐẠO

Các thành viên của Ban lãnh đạo đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm tài chính 2022 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Quang Hạnh

Ông Nguyễn Anh Tú

Ông Bùi Văn Sao

Ông Luyện Duy Lộc

Ông Lê Trọng Mạnh

Ông Nguyễn Xuân Vĩ

Bà Đặng Thị Việt Hà

Bà Trần Thị Bích Ngọc

Chủ tịch Công ty

Giám đốc

Phó Giám đốc

Phó Giám đốc

Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Kiểm soát viên (nguyên KSV)

Kiểm soát viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Anh Tú – Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá DTA đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2022 (từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022) của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi tỉnh Hưng Yên.

1530
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
CHÍNH
HÀNH
Đ

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

Ban lãnh đạo Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi tỉnh Hưng Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2022 của Công ty. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ✓ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- ✓ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ✓ Đưa ra các đánh giá và dự toán hợp lý và thận trọng;
- ✓ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- ✓ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- ✓ Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY (Tiếp theo)

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá DTA, đại diện Ban lãnh đạo Công ty phê chuẩn Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty TNHH MTV Khai thác Công Trình Thủy lợi tỉnh Hưng Yên, với các chỉ tiêu và số liệu đã trình bày trong Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022.

Thay mặt và đại diện Ban lãnh đạo Công ty

Hưng Yên, ngày 25 tháng 3 năm 2023

IA
GIA
VC



DTA Audit

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ DTA

DTA Valuation And Auditing Company Limited

Trụ sở: D4, đường Foresa 8, KĐT Xuân Phương, P. Xuân Phương, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 62 537 801 * Fax: (84-24) 35 666 381 * Website: dtaaudit.com.vn

Số:2207183/BCKT-DTA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình

Thủy lợi tỉnh Hưng Yên

Kính gửi:

BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HƯNG YÊN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi tỉnh Hưng Yên (sau đây được viết tắt là “Công ty”), được lập ngày 25/3/2023, từ trang 6 đến trang 29 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Văn phòng đại diện Hồ Chí Minh:

Số 55 Đường Đặng Như Mai, Phường Thạnh Mỹ Lợi
Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0918 887 591

Văn phòng đại diện Miền Trung:

Số 34 Đường Điện Biên Phủ, Phường Đức
Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
Điện thoại: 0913 450 814

Văn phòng đại diện Tây Bắc:

Đường Bản Cọ, Phường Chiềng An,
Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La
Điện thoại: 0212 3 857 819

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tài sản cố định tại ngày 31/12/2022.
- Chi phí khấu hao đang được đơn vị trích theo tỷ lệ ước tính mà chưa thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định; Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi tỉnh Hưng Yên tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ DTA



Nguyễn Thị Thanh Huế

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0756-2020-249-1

Bộ Tài chính Việt Nam cấp

Kiểm toán viên

Phạm Ngọc Tuấn

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3665-2021-249-1

Bộ Tài chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		80.434.543.742	71.849.725.011
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	29.057.526.455	40.393.629.919
1. Tiền	111		5.432.957.423	25.393.629.919
2. Các khoản tương đương tiền	112		23.624.569.032	15.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		46.626.685.470	26.505.573.827
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	6.985.823.446	6.166.109.469
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.014.760.701	3.144.852.903
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	31.786.872.433	16.730.250.118
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		839.228.890	464.361.337
IV. Hàng tồn kho	140		3.314.592.551	3.240.294.672
1. Hàng tồn kho	141	V.4	3.314.592.551	3.240.294.672
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.435.739.266	1.710.226.593
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	1.316.755.952	1.658.546.359
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		118.983.314	51.680.234
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.649.648.567.954	1.569.709.183.125
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.532.912.614.817	1.486.886.852.148
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	1.528.580.614.817	1.482.554.852.148
- Nguyên giá	222		1.698.109.263.720	1.642.056.400.993
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(169.528.648.903)	(159.501.548.845)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	4.332.000.000	4.332.000.000
- Nguyên giá	228		4.332.000.000	4.332.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	116.735.953.137	82.822.330.977
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		116.735.953.137	82.822.330.977
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.730.083.111.696	1.641.558.908.136

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

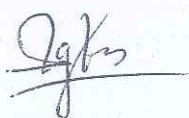
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		41.878.396.717	48.188.336.946
I. Nợ ngắn hạn	310		41.878.396.717	48.188.336.946
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	27.507.135.996	37.858.580.633
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	11.526.219	58.548.746
4. Phải trả người lao động	314		6.533.089.404	6.193.793.082
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		401.254.269	136.634.734
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	7.241.103.141	3.804.865.535
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		184.287.688	135.914.216
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.688.204.714.979	1.593.370.571.190
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	1.617.636.122.267	1.523.866.158.761
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.251.939.899.504	1.231.457.992.995
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		610.202.718	830.202.715
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		330.202.718	443.202.715
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		280.000.000	387.000.000
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		365.086.020.045	291.577.963.051
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		70.568.592.712	69.504.412.429
1. Nguồn kinh phí	431		13.945.605.370	29.647.845.087
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		56.622.987.342	39.856.567.342
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.730.083.111.696	1.641.558.908.136

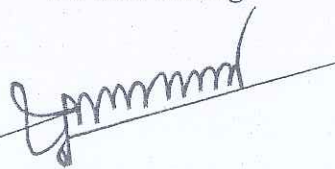
Hưng Yên, ngày 25 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc







Đoàn Thị Ngọc Xuân

Nguyễn Xuân Vĩ

Nguyễn Anh Tú

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	151.014.084.183	156.102.340.261
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		151.014.084.183	156.102.340.261
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	122.020.727.159	127.819.103.157
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.993.357.024	28.283.237.104
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	972.034.379	891.712.710
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	29.566.196.499	28.772.544.397
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		399.194.904	402.405.417
11. Thu nhập khác	31	VI.5	197.338.198	329.269.640
12. Chi phí khác	32	VI.6	246.533.102	281.675.057
13. Lợi nhuận khác	40		(49.194.904)	47.594.583
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		350.000.000	450.000.000
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	70.000.000	63.000.000
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		280.000.000	387.000.000

Hưng Yên, ngày 25 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Đoàn Thị Ngọc Xuân

Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Vĩ

Giám đốc



Nguyễn Anh Tú

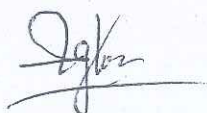
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2022

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	8.791.802.336	9.573.785.067
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(95.553.343.371)	(99.421.300.296)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03	(61.903.013.346)	(61.989.029.706)
4	Tiền lãi vay đã trả	04	(136.634.734)	(108.770.180)
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(57.473.781)	(167.679.043)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	275.237.247.619	298.890.103.722
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(137.251.549.747)	(136.733.274.599)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(10.872.965.024)	10.043.834.965
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(463.138.440)	(2.098.150.300)
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(463.138.440)	(2.098.150.300)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(11.336.103.464)	7.945.684.665
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	40.393.629.919	32.447.945.254
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	29.057.526.455	40.393.629.919

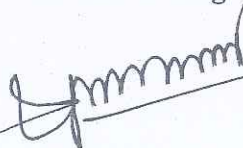
Hưng Yên, ngày 25 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu



Đoàn Thị Ngọc Xuân

Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Vĩ

Giám đốc



Nguyễn Anh Tú

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HUNG YÊN

Địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi tỉnh Hưng Yên (dưới đây được gọi là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0900243950 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 03/8/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 01/6/2017.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Đường Hải Thượng Lãn Ông, thôn Xích Đằng, Phường Lam Sơn, Thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

2. Hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Quản lý, khai thác và bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi nhằm đáp ứng yêu cầu tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, giao thông thủy lợi, dân sinh và các ngành kinh tế khác của tỉnh;
- Lập dự án và khảo sát thiết kế kỹ thuật, dự toán nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi nhỏ thuộc nguồn vốn do công ty quản lý và nguồn vốn được nhà nước phân cấp;
- Làm chủ đầu tư trong việc duy tu, sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới công trình thủy lợi, duy trì và phát triển năng lực công trình bằng nguồn vốn của công ty quản lý và các nguồn vốn khác được phân cấp;
- Quan trắc, theo dõi, thu thập các số liệu theo quy trình; nghiên cứu các ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào việc khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;
- Lập dự án, khảo sát, thiết kế, quản lý, điều hành dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công các công trình sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, làm mới các công trình thủy lợi, thoát nước và hạ tầng kỹ thuật vừa và nhỏ.

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty gồm 09 xí nghiệp và 01 văn phòng. Danh sách các đơn vị trực thuộc gồm:

Xí nghiệp KTCT thủy lợi Thành phố Hưng Yên;

Xí nghiệp KTCT thủy lợi Châu Giang;

Xí nghiệp KTCT thủy lợi huyện Văn Lâm;

Xí nghiệp KTCT thủy lợi thị xã Mỹ Hào;

Xí nghiệp KTCT thủy lợi huyện Yên Mỹ;

Xí nghiệp KTCT thủy lợi huyện Ân Thi;

Xí nghiệp KTCT thủy lợi huyện Kim Động;

Xí nghiệp KTCT thủy lợi huyện Tiên Lữ;

Xí nghiệp KTCT thủy lợi huyện Phù Cù.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HUNG YÊN

Địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Công ty được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản đầu tư tài chính

a/ Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b/ Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

c/ Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết (chỉ áp dụng cho báo cáo riêng).

d/ Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

e/ Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HUNG YÊN

Địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

f/ Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

3. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá gốc.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

5. Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

a) TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Trong quá trình sử dụng các chi phí nâng cấp, cải tạo, sửa chữa duy tu sẽ được ghi tăng nguyên giá, hoặc ghi vào chi phí sản xuất kinh doanh tùy thuộc vào hiệu quả mà các chi phí này mang lại cho TSCĐ đó theo đúng hướng dẫn về chế độ quản lý và sử dụng TSCĐ hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản chi phí sửa chữa lớn, công cụ dụng cụ chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước khác.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

7. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước; Việc ghi nhận chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

8. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ ngoại tệ thì thực hiện theo đổi chi tiết theo nguyên tệ.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

11. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước là số tiền của khách hàng đã trả trước tiền mua tuy nhiên Công ty chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ pháp lý.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các thành viên.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HUNG YÊN

Địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

14. Giá vốn hàng bán

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt trên mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, được tính ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ theo nguyên tắc thận trọng.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay; lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện; các khoản chi phí đầu tư tài chính khác. Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế GTGT: Công ty thực hiện hạch toán và kê khai thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng	5.432.957.423	25.393.629.919
Các khoản tương đương tiền	23.624.569.032	15.000.000.000
<i>Tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn không quá 3 tháng</i>	<i>23.624.569.032</i>	<i>15.000.000.000</i>
Tổng	29.057.526.455	40.393.629.919

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HƯNG YÊN

Địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Các khoản phải thu khách hàng**2.1) Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu các hợp tác xã, doanh nghiệp nợ thủy lợi phí, thu tiêu thoát nước công nghiệp, khác	6.985.823.446	6.166.109.469
Tổng	6.985.823.446	6.166.109.469

3. Phải thu khác**3.1) Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
NSNN về thủy lợi phí cấp bù	26.960.479.060	14.960.479.060
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	84.328.767	114.589.041
Phải thu nguồn XDCB	825.364.000	825.364.000
Công ty TNHH thương mại và xây dựng Hồng Hà	-	50.377.000
UBND huyện Châu Giang	149.000.000	149.000.000
Khác	3.767.700.606	630.441.017
Tổng	31.786.872.433	16.730.250.118

4. Hàng tồn kho

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.670.407.235	2.669.664.901
Công cụ, dụng cụ	644.185.316	570.629.771
Tổng	3.314.592.551	3.240.294.672

5. Chi phí trả trước**5.1) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.316.755.952	1.658.546.359
Tổng	1.316.755.952	1.658.546.359

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HUNG YÊN

Địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng giá trị
Nguyên giá TSCĐ						
Số dư đầu kỳ	1.012.381.435.046	252.167.731.838	7.694.244.200	454.096.480	369.358.893.429	1.642.056.400.993
Số tăng trong kỳ	58.675.014.349	3.290.277.657	1.930.868.400	-	-	63.896.160.406
Số giảm trong kỳ	2.046.833.897	3.349.949.432	2.417.510.400	-	29.003.950	7.843.297.679
Số dư cuối kỳ	1.069.009.615.498	252.108.060.063	7.207.602.200	454.096.480	369.329.889.479	1.698.109.263.720
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	110.363.017.413	40.546.876.651	2.933.967.077	304.535.858	5.353.151.846	159.501.548.845
Số tăng trong kỳ	8.681.647.268	3.747.387.963	1.566.472.259	14.049.291	554.304.593	14.563.861.374
Số giảm trong kỳ	604.557.126	1.575.617.515	2.355.239.474	-	1.347.201	4.536.761.316
Số dư cuối kỳ	118.440.107.555	42.718.647.099	2.145.199.862	318.585.149	5.906.109.238	169.528.648.903
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	902.018.417.633	211.620.855.187	4.760.277.123	149.560.622	364.005.741.583	1.482.554.852.148
Tại ngày cuối kỳ	950.569.507.943	209.389.412.964	5.062.402.338	135.511.331	363.423.780.241	1.528.580.614.817

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HUNG YÊN

Địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

		Đơn vị tính: VND
Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Giá trị
Nguyên giá TSCĐ		
Số dư đầu kỳ	4.332.000.000	4.332.000.000
Số dư cuối kỳ	4.332.000.000	4.332.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	4.332.000.000	4.332.000.000
Tại ngày cuối kỳ	4.332.000.000	4.332.000.000

8. Tài sản dở dang dài hạn**8.2) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Cải tạo, nạo vét và kè một số đoạn trên sông Ngưu Giang	4.423.873.695	-
Cải tạo, nâng cấp trạm bơm không ống cột nước thấp Đầm Sen, H.Yên Mỹ	10.191.927.838	-
Trạm bơm tiêu không ống cột nước thấp Văn Giang II, Yên Mỹ	9.735.366.724	-
Tu sửa cầu Mễ Hạ qua sông Từ Hồ - Sài Thị, xã Yên Phú, huyện Yên Mỹ	1.990.971.437	-
Hoàn trả TB Giang	4.204.022.453	-
Xây dựng công trình trạm bơm Nghĩa Dân, huyện Kim Động	298.000.000	-
XD trạm bơm không ống cột nước thấp tiêu, tưới Mai Viên, Kim Động	6.010.260.829	-
XD trạm bơm không ống cột nước thấp Ba Đông, H. Phù Cừ	6.139.190.000	-
Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu từ Bến đò thôn 1 đến TB Quảng Châu	371.320.000	-
Cải tạo, nâng cấp sông Sào Sấu	555.377.000	-
Nạo vét sông Đồng Quê - Cừu An	333.087.539	319.137.200
Trạm bơm Hưng Long	1.437.466.000	1.437.466.000
Cải tạo, nâng cấp trạm bơm không ống cột nước thấp Phúc Bó, TX Mỹ Hào	6.758.335.842	-
Trạm bơm Văn Giang A cũ	-	5.874.111.900
Trạm bơm Tiên Kiều	-	8.022.318.000
Cải tạo cống Ngô Xuyên	2.473.986.000	11.912.299.000
Trạm bơm Cầu Gáy	425.000.000	425.000.000

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HƯNG YÊN

Địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Trạm bơm Tam Đô	312.959.997	1.591.914.997
Trạm bơm không ống cột nước thấp trên kênh tiêu trạm bơm Chợ Thi	10.446.346.463	1.710.000
Xây dựng trạm bơm không ống, cột nước loại thấp HĐ-2,0-45kw trên kênh tiêu trạm bơm Phú Hữu	389.809.005	389.809.005
Cải tạo nạo vét hệ thống kênh tưới tiêu ngoài bãi thuộc 2 xã Phụng Công, Xuân Quan huyện Văn Giang	-	108.899.000
Cụm máy bơm không ống cột nước thấp trên kênh tiêu trạm bơm Đào Xá	-	450.000.000
Chi phí xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi do Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi tỉnh quản lý (đã hạch toán tại tháng 7/2020)	402.243.620	402.243.620
Cụm công trình đầu mối TB tiêu Bảo Khê thuộc dự án thoát nước TP Hưng Yên (HM: Hồ điều hòa)	513.452.000	513.452.000
Cụm công trình đầu mối TB tiêu Bảo Khê thuộc dự án thoát nước TP. Hưng Yên (HM: Giải phóng mặt bằng)	295.095.900	295.095.900
Kè mái sông Hòa Bình đoạn qua TP Hưng Yên	-	17.777.094.800
Nạo vét một số công trình thủy lợi phục vụ tiêu thoát	784.276.000	784.276.000
Xây dựng cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Chợ Gạo, TP Hưng Yên	24.658.884.240	22.376.449.800
Nạo vét một số công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp và tiêu thoát nước dân sinh, đô thị trên địa bàn thành phố	2.558.713.000	1.667.334.000
Cải tạo, nâng cấp sông Tân An	9.885.888.000	3.226.538.000
Cải tạo, tu sửa cống ông Côi trên sông Đống Lỗ - Tỉnh Linh, xã Trung Nghĩa	1.002.334.000	1.002.334.000
Tu sửa, cải tạo nâng cấp và xây dựng tuyến kênh dẫn kết nối TB Cửa Gàn - TB An Vũ	2.064.246.000	2.057.633.000
Kiên cố hóa kênh dẫn TB An Vũ đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Tô Hiệu	2.107.922.000	1.236.108.000
Kiên cố hóa tuyến kênh Ông Diên - TB Hồng Nam	3.347.476.000	158.804.000
Nạo vét sông Điện Biên đoạn từ TB An Vũ đến cầu Xóm Đông	533.203.800	43.830.000
Công trình khác	2.084.917.755	748.472.755
Tổng	116.735.953.137	82.822.330.977

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HƯNG YÊN

Địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Phải trả người bán**9.1) Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty điện lực Hưng Yên - Chi nhánh Tổng công ty	2.427.713.525	4.090.998.870
Công ty TNHH dịch vụ và thương mại Minh Mạng	794.549.000	108.346.000
Trung tâm tư vấn kỹ thuật đề điều thủy lợi	1.367.755.000	263.225.000
Công ty TNHH Minh Phương	390.322.000	5.656.837.738
Đối tượng khác (*)	22.526.796.471	27.739.173.025
Tổng	27.507.135.996	37.858.580.633

(*) Chi tiết khác tại ngày 31/12/2022

	31/12/2022 VND
Công ty cổ phần thẩm định ASIAN	7.040.000
Đỗ Hồng Thúy	52.477.936
Công ty CP tư vấn thiết kế và đầu tư xây dựng Cadico	11.108.100
Công ty TNHH cơ điện thủy lợi Hưng yên	941.056.764
Công ty cơ khí điện Hải Dương (TNHH). DA	1.451.751.164
Công ty CP đầu tư xây dựng thương mại thắng lợi ĐDK	69.900.000
Công ty TNHH xây dựng và thương mại 68	62.500.000
Công ty CP ĐTXD & PT dịch vụ HTP.DA	20.450.000
Công ty TNHH thương mại và xây dựng Hồng Hà	732.621.945
Công ty TNHH Hồng Nhãn	500.405.000
Công ty cổ phần Xây dựng - thương mại và dịch vụ Kiến Hưng	2.068.353.780
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Long Hưng	924.319.000
Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Thái Hưng	692.224.400
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Thương mại Triệu Đức	31.800.000
Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Trường Hải	24.329.000
Công ty TNHH MTV sản xuất và Thương mại Bảo Phúc	1.850.000
Cao Tiến Đạt	175.960
Công ty CP xây dựng đề kè thủy lợi Hưng Yên	80.000.000
Công ty TNHH xây dựng giao thông Đông Hưng	1.319.291.000
Công ty TNHH D.T.H	33.203.800
Công ty CP thiết kế và xây dựng công trình Long Giang	959.792.000
Công ty TNHH Nhật Quang	15.000.000
Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng Phố Hiến	67.391.000
Công ty CP đầu tư Phúc Thịnh Phát Land	170.678.000
Công ty TNHH hệ thống điện và tự động hóa Việt Nam	4.500.000
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ cơ khí Đăng Huy	57.542.000

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HƯNG YÊN

Địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	31/12/2022
	VND
Công ty cổ phần xây dựng 976	6.112.100
Công ty TNHH đầu tư XD & TM Anh Thịnh).DA	33.385.000
Công ty TNHH thương mại vận tải và dịch vụ tổng hợp Bình Minh	77.750.000
Công ty TNHH TM Vận tải Bình Minh.DA	426.252.000
Công ty cổ phần chế tạo bơm Hải Dương	598.000.000
Công ty kiến trúc Lập Phương	15.000.000
Công ty TNHH đầu tư xây dựng Thành Phát Hưng Yên	88.300.000
Công ty TNHH Thành Trung	42.299.000
Công ty TNHH Thanh Tùng	41.462.000
Công ty TNHH một thành viên KTCT thủy lợi tỉnh Hưng Yên	28.689.000
Công ty TNHH Vạn Phúc	41.000.000
Chu Văn Chính	49.800
Điện lực TP Hưng Yên	10.631.801
Doanh nghiệp TN thi công cơ giới Thành Lợi	107.563.000
Doanh nghiệp TN xây dựng công trình thủy lợi Hưng Yên	31.000.000
Công ty cổ phần Điện Đại Phát	15.200.000
Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Phong Sơn Hưng Yên	5.000.000
Đào Văn Chiêu	1.145.400
Đặng Văn Hòa	99.600
Dương Văn Hiệp	2.576.320
Công ty TNHH Quốc tế Hòa Nam	653.043.000
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Hoàng Anh	20.800.000
Hợp tác xã cơ điện Tam Giang	79.865.465
Hoàng Thị Xuyên	2.490.000
Công Ty TNHH Tư Vấn Và Xây Dựng Hưng Thịnh	518.252.147
Lê Văn Mãi	99.600
Lưu Văn Tiên	49.800
Lê Văn Xuân	514.600
Lê Xuân Thành	49.800
Công ty TNHH TM & ĐT xây lắp điện Mạnh Hùng	680.000
Công ty TNHH Phương thảo	10.000.000
Công ty cổ phần xây dựng và sản xuất Vật Liệu	50.000.000
Công ty TNHH vật liệu và XD Quốc Trung	175.426.000
Phải trả Nợ vớt kênh mương	239.929
Công ty tư vấn dịch vụ kỹ thuật Rừng Xanh Hà Nội Công trình trạm bơm Trà Phương mới (VNS còn thanh toán)	7.132.000
Xây dựng trạm bơm Trà Phương mới phần đóng cắt điện (VNS còn thanh toán)	2.419.500
Công ty xây dựng Đê kè Hưng Yên xây lắp trạm bơm cống bùn (VNS còn thanh toán)	16.088.500

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HƯNG YÊN

Địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	31/12/2022
	VND
Trung tâm nghiên cứu thủy nông cải tạo đất và CTN khảo sát TKTB cống bún (VNS còn phải trả)	55.583.000
Đền bù giải phóng mặt bằng (tiền đền bù GPMB trạm bơm Cống bún (VNS còn phải trả tiền đền bù)	1.649.575
Công ty xây lắp và sản xuất vật liệu Bảo Khê - Kim Động xây kênh tưới chính trạm bơm Mão Xuyên (VNS còn phải thanh toán)	5.200.000
Trung tâm nghiên cứu cải tạo đất và cấp thoát nước khảo sát thiết kế phí xây kênh tưới chính TB Vũ Dương (VNS còn phải thanh toán)	2.938.568
Xí nghiệp xây dựng phương mai Tiên Lữ xây kênh tưới chính trạm bơm đa lộc (VNS còn phải thanh toán)	2.899.000
Trung tâm nghiên cứu thủy nông cải tạo đất và CTN thiết kế kênh đồ hạ (VNS còn thanh toán)	542.880
Chi phí phục vụ nạo vét sông Bún (VNS)	10.294.110
Trung tâm nghiên cứu thủy nông cải tạo đất và cấp thoát nước thiết kế kênh Mão Xuyên (VNS còn phải thanh toán)	3.169.288
Công ty TNHH tư vấn dịch vụ xây dựng Hải Dương khảo sát thiết kế công trình nạo vét sông Bún (VNS)	8.971.000
Công ty TNHH Hoàng Phúc	502.971.974
Ngô Đình Thoa	151.392
Nguyễn Hữu Khoa	10.000.000
Nguyễn Thị Hạnh	132.800
Nguyễn Thị Thanh Huyền	973.000
Nguyễn Trọng Trăn	1.014.592
Nguyễn Thê Vinh	83.000
Nguyễn Văn Hậu	199.200
Nguyễn Văn Sáng	265.600
Nguyễn Văn Sinh	2.822.000
Nguyễn Văn Thành	709.152
Phạm Thị Hồng Phương	830.000
Phạm Thị Lựu	830.000
Phạm Văn Nội	1.309.408
Phạm Văn Toàn	119.520
Phạm Văn Thừa	265.600
Phạm Xuân Vượt	49.800
Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	8.719.766
Sở Tài Chính Tỉnh Hưng Yên	281.518.508
Trần Đình Chinh	913.000
Trần Hùng Dụ	116.200
Công ty TNHH xây dựng và tư vấn công trình Thuận Thiên	115.800.000
Xí nghiệp đầu tư phát triển thủy lợi Gia Lâm	131.143.404
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tuấn Thiện	104.790.000

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HƯNG YÊN

Địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	12/31/2022
	VND
Trần Văn Lanh	2.325.328
Vũ Lôi Phong	182.600
Võ Ngọc Dũng	1.290.000
Ban QLDA đầu tư công trình Giao thông - Xây dựng	33.502.000
Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi Như Quỳnh	45.795.200
Xí nghiệp khai thác Công trình Thủy Lợi Thuận Thành	169.783.260
Công ty TNHH đầu tư và xây dựng Minh Phát Hưng Yên	347.476.000
Công ty TNHH Thái Lực	100.017.000
Công ty TNHH một thành viên Long Đạt	160.926.000
Công ty TNHH sản xuất và xây dựng Bình Dương	168.204.000
Công ty TNHH thiết bị điện nước Hà Thành	34.395.840
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và công nghệ ATP	4.320.000
Công ty TNHH Thương mại Cường Hương Duy	87.120.000
Đơn vị tư vấn bom mìn	33.311.366
Sở NN & PTNT Hưng Yên	1.546.485
Công ty tư vấn XDNN & PTNT Hà Nam	403.000
GPMB (Cty thủy lợi tỉnh)	989.000
Sở Công Thương	4.000.000
Công ty điện lực Hưng Yên	71.899.566
Công ty CPXD thủy lợi đề kè Hưng Yên	10.693.325
Sở KH & ĐT	3.645.963
Công ty CP xây lắp Hưng Yên	625.000
Công ty CP đầu tư TMDV Tây Hồ	862.501
Công ty XD & SXVLXD Vạn Sinh	17.500.000
Công ty TVXD-PTNT.1	24.400.925
Công ty TNHH Tư vấn & Xây dựng Bách Khoa Hưng Yên	60.153.000
Công ty TNHH Tư vấn và xây dựng điện Yên Hưng	267.900
Đỗ Tiến Lực	2.589.600
Đỗ Văn Tuấn	112.880
Hoàng Bùi Đoàn	1.022.560
Phạm Văn Đoàn	2.569.000
Bùi Xuân Huân	600.000
Phạm Minh Tuấn	360.000
Phạm Thị Quyên	360.000
Lâm Ngọc Từ	4.717.000
Nguyễn Đức Thiện	4.001.000
Nguyễn Thị Cúc	1.579.000
Phạm Văn Học	33.736.000
Trần Thị Thu	10.530.000

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HƯNG YÊN

Địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	31/12/2022
	VND
Đỗ Văn Hưng	600.000
Lã Thị Thanh Huyền	270.580
Công ty cổ phần đầu tư thương mại Kim khí Hưng Yên	3.671.800
Công ty TNHH Xây Dựng Vững Mạnh	62.149.000
Công ty cổ phần đầu tư xây lắp Điện Việt	37.760.676
Ngô Thành Trung	199.200
Xí nghiệp KTCT Thủy lợi Văn Lâm	27.083.000
Công ty TNHH Xây dựng Việt Tiến	123.700.000
Công ty TNHH MTV xây dựng & thương mại Đại Hải Phong	1.874.803.000
Công ty TNHH Minh Long Hưng Yên	2.446.224.000
Công ty TNHH Xây dựng và môi trường Chung Minh	216.300.000
Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Tân Việt Phát	407.528.000
Công ty CP tư vấn và phát triển xây dựng Hưng Yên	1.183.142.000
Công ty TNHH Xây dựng 85 Hưng Yên	28.500.000
Vũ Văn Quyền	1.434.240
Khác	37.424
Tổng	22.526.796.471

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Thuế TNDN	11.526.219	-
Thuế Giá trị gia tăng	-	58.548.746
Tổng	11.526.219	58.548.746

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HƯNG YÊN

Địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Phải trả khác**11.1) Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	224.241.458	138.368.864
Bảo hiểm y tế	4.574.101	4.681.886
Bảo hiểm thất nghiệp	5.726.301	5.600.116
Nhận ký cược, ký quỹ	41.045.000	41.045.000
Quản lý dự án nguồn vốn thiên tai	200.935.324	175.727.152
Quỹ phòng chống thiên tai tỉnh hưng yên	12.601.219	12.601.219
Số tiền phải nộp trả đơn vị quyết toán	23.614.000	23.614.000
Điều chỉnh theo KTNN	2.512.318.507	2.512.318.507
Nguồn vốn XD CB	244.123.609	244.123.609
Công đoàn Công ty TNHH một thành viên KTCT thủy lợi tỉnh Hưng Yên	-	267.064.890
Khác	3.971.923.622	379.720.292
Tổng	7.241.103.141	3.804.865.535

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HƯNG YÊN

Địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Vốn chủ sở hữu**12.1) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn góp của CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	1.135.147.719.126	481.140.340	374.186.089.286	1.509.814.948.752
Tăng vốn trong năm	100.887.662.285	-	-	100.887.662.285
Tăng do XDCB	-	-	22.955.622.751	22.955.622.751
Lãi trong năm	-	387.000.000	-	387.000.000
Giảm vốn trong năm	(4.577.388.416)	-	-	(4.577.388.416)
Cấp vốn trong năm	-	-	16.950.000.000	16.950.000.000
Kết chuyển nguồn	-	-	(122.513.748.986)	(122.513.748.986)
Giảm khác	-	(37.937.625)	-	(37.937.625)
Số dư đầu năm nay	1.231.457.992.995	830.202.715	291.577.963.051	1.523.866.158.761
Tăng vốn trong năm	20.981.505.721	-	-	20.981.505.721
Tăng do XDCB	-	-	41.126.760.534	41.126.760.534
Lãi trong năm	-	280.000.000	-	280.000.000
Giảm vốn trong năm	(499.599.212)	-	-	(499.599.212)
Cấp vốn trong năm	-	-	50.239.677.260	50.239.677.260
Kết chuyển nguồn	-	-	(17.858.380.800)	(17.858.380.800)
Phân phối lợi nhuận	-	(500.000.000)	-	(500.000.000)
Tăng Khác	-	3	-	3
Số dư cuối năm nay	1.251.939.899.504	610.202.718	365.086.020.045	1.617.636.122.267

12. Vốn chủ sở hữu**12.2) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Vốn góp của nhà nước	1.251.939.899.504	1.231.457.992.995
Tổng	1.251.939.899.504	1.231.457.992.995

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HƯNG YÊN

Địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	151.014.084.183	156.102.340.261
Tổng	151.014.084.183	156.102.340.261

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn của dịch vụ cung cấp	122.020.727.159	127.819.103.157
Tổng	122.020.727.159	127.819.103.157

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	972.034.379	891.712.710
Tổng	972.034.379	891.712.710

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	29.566.196.499	28.772.544.397
Tổng	29.566.196.499	28.772.544.397

5. Thu nhập khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập khác	197.338.198	329.269.640
Tổng	197.338.198	329.269.640

6. Chi phí khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí khác	246.533.102	281.675.057
Tổng	246.533.102	281.675.057

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HƯNG YÊN

Địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi tỉnh Hưng Yên là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực công ích và được Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi theo Thông tư 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018. Theo quy định tại Nghị định số 96/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30/6/2018 quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và quy định tại khoản 2 điều 8 Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, thu nhập từ dịch vụ tưới, tiêu nước; cây, bừa đất; nạo vét kênh, mương nội đồng là thu nhập được miễn thuế TNDN.

Thuế TNDN từ các hoạt động khác:

Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	350.000.000
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế TNDN	-
Tổng lợi nhuận tính thuế TNDN	350.000.000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	70.000.000
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	70.000.000

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính năm 2022 mà chưa được thuyết minh rõ tại báo cáo tài chính này.

2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi tỉnh Hưng Yên đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá DTA.

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Hưng Yên, ngày 25 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Đoàn Thị Ngọc Xuân

Nguyễn Xuân Vĩ

Nguyễn Anh Tú

